

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày 20 tháng 7 năm 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Quyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hiếu.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023 ngày 23/6/2023, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trí Dũng-Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A-Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý.

(Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V).

Người được ủy quyền lại:

Ông Phan Huy M-Chức vụ: Trưởng bộ phận phòng xử lý nợ PUNKHCNMB.

Ông Nguyễn Tiến Th-Chức vụ: Cán bộ phòng xử lý nợ PUNKHCNMB.

Cùng địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà VH số 78 D, phường D, quận C, thành phố H.

(Văn bản ủy quyền số 1611/2022/UQ-LCC-PUNKHCNMB ngày 01/11/2022).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn HĐ, xã N, huyện P, tỉnh H.

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/01/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần V, tên viết tắt VPBank (sau đây viết tắt theo tên viết tắt là ngân hàng) cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 617.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2001142102908 ngày 15/01/2020. Mục đích sử dụng vốn vay là kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay là 60 tháng, kỳ trả nợ gốc là 60 kỳ, mỗi kỳ trả 10.283.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 10.303.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm vay là 9,49%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng này, anh T và ngân hàng đã thỏa thuận anh T thế chấp cho ngân hàng chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 89B-015.47 mang tên anh T để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/01/2020. Anh T đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng ngày 16/01/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã thanh toán trả được 10.389.050 đồng tiền nợ gốc và lãi đến ngày 15/7/2020. Từ ngày 15/7/2020, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến ngày 19/5/2023, anh T còn nợ số tiền nợ gốc là 606.610.950 đồng, lãi, phạt chậm trả tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 384.102.540 đồng, tổng số anh T còn nợ là 990.713.490 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không trả, vì vậy ngân hàng khởi kiện, yêu cầu buộc anh T phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 990.713.490 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T phải chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi anh T thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Nếu anh T không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của anh T là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 89B-015.47 để ngân hàng thu hồi nợ theo như thỏa thuận thế chấp. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng. Ngân hàng xác định hiện nay anh T vẫn đang quản lý sử dụng xe nên ngân hàng không yêu cầu Tòa án thẩm định tài sản thế chấp. Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Anh Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 15/01/2020, anh T vay của ngân hàng thể hiện tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số LN 2001142102908 ngày 15/01/2020, tổng số tiền vay là 617.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh vận tải, mua xe ô tô kinh doanh. Lãi suất vay như trong hợp đồng đã thỏa thuận, ngoài ra hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất trong hạn và quá hạn. Anh T đã nhận đủ số tiền vay là 617.000.000 đồng vào ngày 16/01/2020. Để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng này, anh T đã ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp xe ô tô trong hợp đồng vay này, theo đó anh T thế chấp cho ngân hàng chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47 trị giá 950.000.000 đồng mang tên anh T

để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng vay. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 15/01/2020. Anh T không có tranh chấp gì về hợp đồng tín dụng và thế chấp này. Hiện tại anh T đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô này. Hiện trạng xe vẫn đang sử dụng tốt và vẫn nguyên trạng như tại thời điểm thế chấp nên anh T đề nghị Tòa án không tiến hành thẩm định tài sản thế chấp. Sau khi vay, anh T đã trả được một số nợ nhưng cụ thể là bao nhiêu thì anh T không nhớ.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, anh T có điểm:

Anh T khẳng định việc ngân hàng khởi kiện đòi số tiền gốc, lãi của hợp đồng vay gồm gốc: 606.610.950 đồng, lãi như ngân hàng tính toán tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 328.408.579 đồng tổng số là 990.713.490 đồng là đúng. Anh T sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ gốc này là 606.610.950 đồng nhưng do đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho anh T xin toàn bộ tiền lãi. Anh T đề nghị ngân hàng cho thu xếp để trả nợ cho ngân hàng, trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng thì anh T nhất trí để ngân hàng phát mại tài sản anh T đã thế chấp như đã thỏa thuận trong hợp đồng để ngân hàng thu hồi nợ.

Anh T đã được Tòa án cho xem Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số LN 2001142102908 ngày 15/01/2020, Giấy đề nghị vay vốn ngày 08/01/2020, Phiếu yêu cầu đăng ký niện pháp bảo đảm hợp đồng ngày 15/01/2020, Đề nghị giải ngân ngày 16/01/2020, Biên bản làm việc ngày 11/11/2022, Biên bản định giá tài sản ngày 15/01/2020 mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án. Anh T khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên vay, khách hàng, bên bảo đảm, chủ sở hữu tài sản trong tất cả các văn bản này đúng là chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Trước khi mở phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn bày ngày 23/6/2023, anh T đã trả nguyên đơn được số tiền nợ gốc là 527.212.316 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng nên nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp của bị đơn là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày ngày 23/6/2023, anh T đã trả nguyên đơn được số tiền nợ gốc là 527.212.316 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng. Về hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47 mang tên anh T với ngân hàng, nguyên đơn trình bày sau khi anh T trả được số nợ gốc 527.212.316 đồng thì ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, không yêu cầu

Tòa án xử lý tài sản thế chấp của bị đơn là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47. Nguyên đơn chỉ yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng, tổng số là 455.472.644 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T phải chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi anh T thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế chấp nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng, tổng số tiền anh T phải trả tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 455.472.644 đồng. Anh T phải chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi anh T thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 15/01/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần V, tên viết tắt VPBank cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 617.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2001142102908 ngày 15/01/2020. Mục đích sử dụng vốn vay là kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay

là 60 tháng, kỳ trả nợ gốc là 60 kỳ, mỗi kỳ trả 10.283.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 10.303.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm vay là 9,49%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng này, anh T và ngân hàng đã thỏa thuận anh T thế chấp cho ngân hàng chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 89B-015.47 mang tên anh T để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/01/2020. Anh T đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng ngày 16/01/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã thanh toán trả được 10.389.050 đồng tiền nợ gốc và lãi đến ngày 15/7/2020. Từ ngày 15/7/2020, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ số tiền nợ gốc là 606.610.950 đồng, lãi, phạt chậm trả là 384.102.540 đồng, tổng số anh T còn nợ là 990.713.490 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không trả, vì vậy ngân hàng khởi kiện, yêu cầu buộc anh T phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 990.713.490 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T phải chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi anh T thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Nếu anh T không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của anh T là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 89B-015.47 để ngân hàng thu hồi nợ theo như thỏa thuận thế chấp. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Bị đơn thừa nhận việc ngân hàng khởi kiện đòi số tiền gốc, lãi của hợp đồng vay gồm nợ gốc: 606.610.950 đồng, lãi như ngân hàng tính toán tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 328.408.579 đồng, tổng số là 990.713.490 đồng là đúng. Anh T sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ gốc này là 606.610.950 đồng nhưng do đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho anh T xin toàn bộ tiền lãi. Anh T đề nghị ngân hàng cho thu xếp để trả nợ cho ngân hàng, trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng thì anh T nhất trí để ngân hàng phát mại tài sản anh T đã thế chấp như đã thỏa thuận trong hợp đồng để ngân hàng thu hồi nợ. Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

Sau đó, theo trình bày của nguyên đơn thì ngày 23/6/2023, anh T đã trả nguyên đơn được số tiền nợ gốc là 527.212.316 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng. Sau khi anh T trả được số nợ gốc 527.212.316 đồng thì ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47 nên nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp của bị đơn là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD biển số 89B-015.47. Nguyên đơn chỉ yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng, tổng số là 455.472.644 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T phải chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi anh T thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế

chấp và đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn. Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng và tiền lãi, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 376.074.010 đồng, tổng số là 455.472.644 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2001142102908 ngày 15/01/2020, anh T vay ngân hàng số tiền là 617.000.000 đồng. Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì cho đến ngày xét xử sơ thẩm, anh T còn nợ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) là 376.074.010 đồng, tổng số anh T còn nợ là 455.472.644 đồng. Theo hợp đồng tín dụng thì người đứng tên vay là anh T nên xác định nghĩa vụ trả nợ ngân hàng là của anh T. Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh T phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) là 376.074.010 đồng. Tổng số tiền anh T phải trả là 455.472.644 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa và được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 275, các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 79.398.634 đồng.

Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) là 376.074.010 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V là: 455.472.644 đồng (Bốn trăm năm mươi năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với anh Nguyễn Văn T về việc xử lý, phát mại tài sản thế chấp của anh Nguyễn Văn T là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 89B-015.47 mang tên anh T.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 22.218.905 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm linh năm đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 19.506.297 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006219 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

4. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn